

Thực trạng khởi sự kinh doanh và hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017

Nguyễn Thị Thùy Dương^(*)

Lương Minh Huân ^(**)

Tóm tắt: Dựa theo nghiên cứu chỉ số khởi nghiệp toàn cầu (Global Entrepreneurship Monitor - GEM), bài viết phác họa bức tranh bao quát về khởi sự kinh doanh ở Việt Nam theo từng giai đoạn: từ những doanh nhân tiềm năng, đến lúc khởi sự, trải qua giai đoạn đầu, cho đến khi phát triển ổn định. Ngoài ra, bài viết còn đưa ra một khung phân tích hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam; đề xuất các khuyến nghị chính sách giúp cải thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ phát triển các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Khởi nghiệp, Khởi sự kinh doanh, Hệ sinh thái khởi nghiệp, Việt Nam

Abstract: Based on the Global Entrepreneurship Monitor (GEM), the paper outlines a broad picture of starting a business in Vietnam throughout stages from potentiality to actuality and from early-stage to steady growth. In addition, it suggests an analytical framework for the entrepreneurship ecosystem in Vietnam, as well as recommendations for the improvement of the ecosystem and the promotion of the entrepreneurial activities in Vietnam in the coming years.

Keywords: GEM, Entrepreneurship, Entrepreneurship Ecosystem, Vietnam

I. Mở đầu

Nghiên cứu GEM đo lường sự nhận thức của các cá nhân đối với hoạt động khởi sự kinh doanh, nỗ lực và động lực của họ khi tham gia vào các hoạt động kinh doanh. Với tầm quan trọng của mình, năm 2017 nghiên cứu GEM đã thu hút hơn 100 nước tham gia, trong đó có Việt Nam.

Theo cách tiếp cận của nghiên cứu GEM, tăng trưởng kinh tế của quốc gia là

kết quả đồng thời của hai yếu tố: hoạt động kinh doanh hiện tại và các hoạt động khởi nghiệp (được thể hiện qua đặc điểm của doanh nhân khởi nghiệp). Các hoạt động kinh doanh hiện tại có thể tác động đến tăng trưởng kinh tế quốc gia chủ yếu thông qua việc mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc áp dụng công nghệ mới,... dẫn đến tạo ra việc làm mới hoặc tăng năng suất, nhờ đó tăng sản lượng.

Các đặc điểm của doanh nhân trực tiếp quyết định việc khởi sự kinh doanh, việc khởi sự kinh doanh của họ có thể tạo thêm việc làm và giá trị mới cho xã hội. Quyết

^(*) ThS., Trường Đại học Thương mại;
Email: nguyenthithuyduongbmt@gmail.com

^(**) TS., Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

định khởi sự kinh doanh của các doanh nhân bị tác động trước hết bởi thái độ của họ. Thái độ ở đây hàm ý khả năng nhận biết và nắm bắt cơ hội, khả năng chấp nhận rủi ro và không sợ thất bại, những cảm nhận và đánh giá về vị trí của người doanh nhân. Đối với những cá nhân có khả năng nắm bắt cơ hội tốt, có năng lực kinh doanh, không sợ thất bại và nhìn thấy được sự tôn trọng của xã hội đối với doanh nhân thì họ sẽ có xu hướng khởi sự kinh doanh nhiều hơn so với các cá nhân khác trong cộng đồng.

Để phân tích theo mô hình nghiên cứu của GEM, các quốc gia thành viên của GEM phải thực hiện đồng thời hai cuộc điều tra thu thập dữ liệu là: Khảo sát ít nhất 2.000 người trưởng thành nhằm mục đích thu thập thông tin về sự tham gia của người trưởng thành vào các hoạt động kinh doanh và thái độ, nhận thức của họ về các hoạt động kinh doanh; Khảo sát 36 chuyên gia

về 9 yếu tố tạo nên hệ sinh thái khởi nghiệp (hình 1).

Nghiên cứu GEM ở Việt Nam năm 2017 tiến hành khảo sát 2.118 người trưởng thành và 36 chuyên gia. Các số liệu trình bày trong bài viết lấy từ nghiên cứu GEM năm 2016 (Global Entrepreneurship Research Association, 2017) và năm 2017 (Global Entrepreneurship Research Association, 2018). Các số liệu những năm trước đó dẫn theo Lương Minh Huân (2015; 2016; 2018).

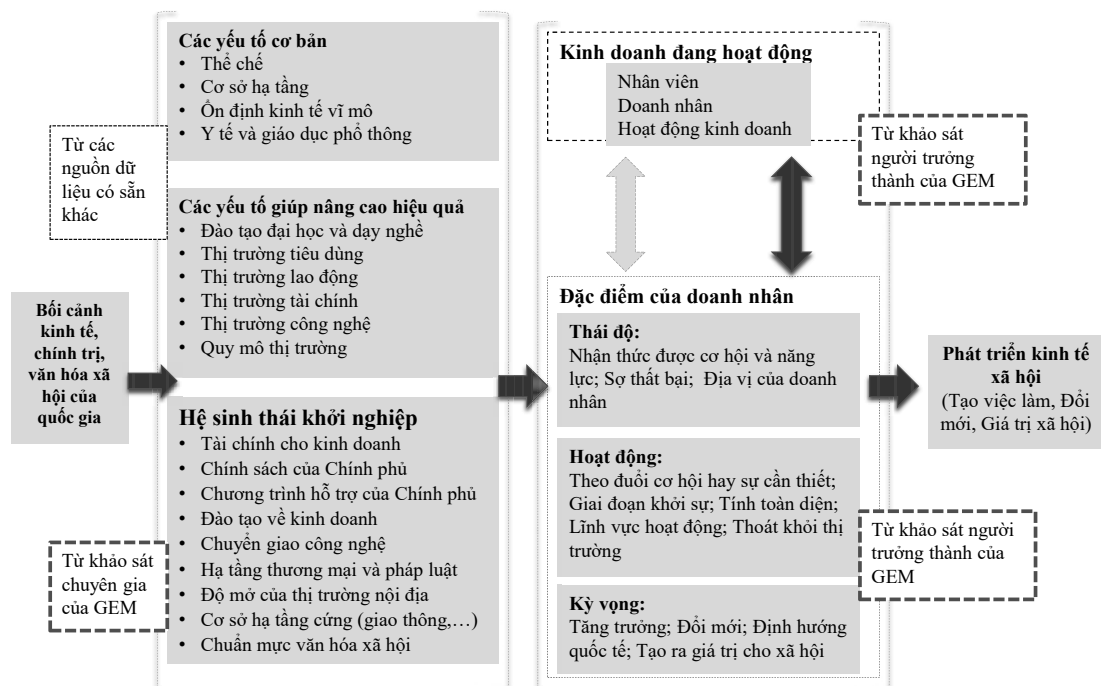
II. Kết quả và thảo luận

1. Nhận thức khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

1.1. Nhận thức về cơ hội kinh doanh và năng lực kinh doanh

Ở Việt Nam, tỷ lệ người trưởng thành nhận thấy có cơ hội để bắt đầu một việc kinh doanh mới sau khi tăng mạnh lên mức 56,8% vào năm 2015 (xếp thứ 9/60 nền kinh tế) đã giảm xuống còn 46,4% vào

Hình 1: Mô hình nghiên cứu của GEM



Nguồn: Levie, Autio, 2008.

năm 2017 (xếp thứ 23/54 nền kinh tế). Tỷ lệ này ở Việt Nam năm 2017 vẫn cao hơn so với mức bình quân của các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tương tự như Việt Nam (tăng trưởng kinh tế dựa trên các yếu tố đầu vào) cũng như các nước phát triển ở các giai đoạn cao hơn. Nếu so với các nước trong khu vực ASEAN cùng tham gia khảo sát năm 2017, tỷ lệ người trưởng thành ở Việt Nam nhận thức về cơ hội khởi nghiệp cao hơn ở Malaysia nhưng thấp hơn so với Indonesia và Thái Lan.

Xét về năng lực kinh doanh, năm 2017, tỷ lệ người trưởng thành được hỏi ở Việt Nam tự đánh giá có đủ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để bắt đầu kinh doanh vẫn có xu hướng giảm, từ mức 58,2% năm 2014 xuống 56,8% năm 2015 và còn 53% năm 2017. Dù ngày càng có nhiều chương trình hỗ trợ đào tạo cho khởi sự kinh doanh, nhưng tỷ lệ người Việt Nam tự tin về khả năng kinh doanh vẫn giảm so với năm 2014 và 2015. Điều này cho thấy những lo ngại về sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong kinh doanh trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Đáng chú ý, tỷ lệ người được hỏi ở Việt Nam tự đánh giá có khả năng kinh doanh vẫn thấp hơn so với bình quân của các nước phát triển ở giai đoạn I¹ (53,8%). Việt Nam xếp thứ 19 trên tổng số 54 nền kinh tế về nhận thức khả năng kinh doanh năm 2017, trong khi năm 2015 cũng xếp thứ 19 nhưng trên tổng thể 60 nền kinh tế.

1.2. Lo sợ thất bại và ý định khởi sự kinh doanh

Khảo sát ở Việt Nam năm 2017 cho thấy, chỉ số lo sợ thất bại khi kinh doanh có tăng nhẹ, lên 46,6%, sau khi đã giảm mạnh

từ mức 56,7% năm 2013 xuống 50,1% năm 2014 và 45,6% năm 2015. Xu hướng lo sợ thất bại tăng lên trong năm 2017 dường như cũng là xu hướng chung của nhiều nước, vì vậy dù tăng lên nhưng thứ hạng của Việt Nam đã giảm từ vị trí số 8/60 năm 2015 xuống vị trí số 10/54 năm 2017 (vị trí càng cao chứng tỏ tỷ lệ lo sợ thất bại càng cao). Những năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để cải thiện môi trường kinh doanh, xây dựng một chính phủ kiến tạo, dần củng cố niềm tin thành công cho người làm kinh doanh. Tuy nhiên, tỷ lệ người lo sợ thất bại trong kinh doanh ở Việt Nam vẫn ở mức cao, nhất là so với mặt bằng chung của các nước cùng trình độ phát triển như Việt Nam.

Ở Việt Nam, tỷ lệ người có ý định khởi sự kinh doanh tiếp tục có xu hướng tăng kể từ năm 2014, đạt 25% vào năm 2017, xếp thứ 19/54 nền kinh tế. Điều này có nghĩa là cứ 4 người thì có 1 người có ý định khởi sự kinh doanh trong vòng 3 năm kế tiếp. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng giúp thực hiện mục tiêu đến năm 2020 có được 1 triệu doanh nghiệp hoạt động (theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ). Tuy nhiên, nếu so với tỷ lệ trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn I, tỷ lệ này vẫn còn thấp, thậm chí thấp hơn so với trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn II.

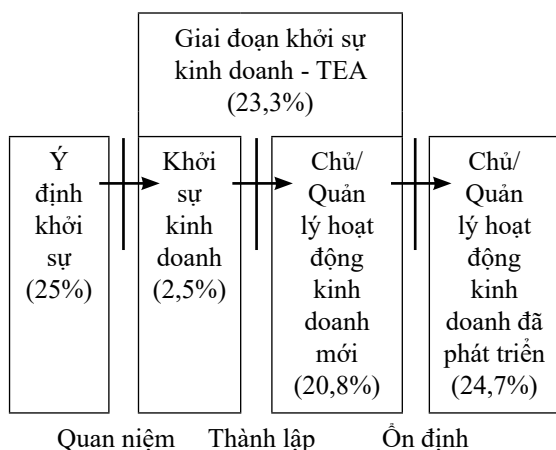
2. Hoạt động khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

2.1. Phát triển kinh doanh

Để đánh giá sự phát triển kinh doanh ở các quốc gia, nghiên cứu GEM đã xây dựng chỉ số đánh giá “Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi sự” (Total Early-stage Entrepreneurial Activity- TEA), bao gồm: các hoạt động kinh doanh vừa khởi sự (dưới 3 tháng) và các hoạt động kinh doanh mới (dưới 3,5 năm).

¹ Phân loại các nước theo giai đoạn dựa theo tiêu chí của Diễn đàn Kinh tế thế giới (World Economic Forum, 2018).

Hình 2: Phát triển kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 (%)



Nguồn: Khảo sát người trưởng thành ở Việt Nam 2017 (Global Entrepreneurship Research Association, 2018).

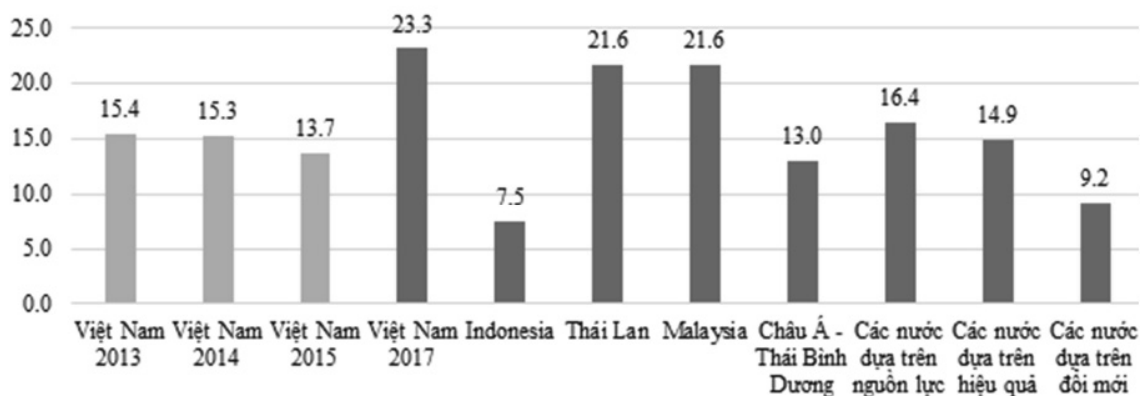
Hình 2 tóm tắt những nét cơ bản về phát triển kinh doanh ở Việt Nam năm 2017. Chỉ số TEA của Việt Nam là 23,3%, trong đó tỷ lệ các hoạt động kinh doanh đang khởi sự là 2,5% và tỷ lệ hoạt động kinh doanh mới khởi sự thành công là 20,8%. Điều này có nghĩa là trong năm 2017, cứ 100 người trưởng thành thì có 23 người đang trong giai đoạn khởi sự kinh doanh. Chỉ số này cao hơn so với các năm

trước đây, cụ thể: năm 2015 là 13,7%, năm 2014 là 15,3% và năm 2013 là 15,2%. Sự tăng trưởng này cho thấy kết quả của việc cải thiện môi trường kinh doanh và các chính sách khuyến khích khởi nghiệp của Việt Nam trong thời gian qua.

Cần lưu ý rằng đối tượng nghiên cứu của GEM là các hoạt động kinh doanh nói chung, chứ không chỉ tập trung vào khu vực doanh nghiệp. Theo định nghĩa của GEM, tất cả các hoạt động nhằm tạo việc làm và mang lại thu nhập cho mình hoặc/và cho người khác đều là các hoạt động kinh doanh (trừ trong lĩnh vực nông nghiệp).

Chính nhờ có sự tăng trưởng mạnh này mà Việt Nam đã tăng từ vị trí 20/60 năm 2015 lên 6/54 năm 2017 về TEA. Chỉ số TEA của Việt Nam đã cao hơn so với các nước trong khu vực ASEAN cùng tham gia nghiên cứu GEM năm 2017, gồm Indonesia (7,5%, xếp thứ 41/54), Thái Lan (21,6%, xếp thứ 8/54), Malaysia (21,6%, xếp thứ 8/54). TEA của Việt Nam cũng cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn I cũng như các nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (hình 3).

Hình 3: Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam so với các nước trên thế giới năm 2017 (%)



Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017 (Global Entrepreneurship Research Association, 2018).

2.2. Đặc điểm của các cá nhân khởi sự kinh doanh

** Giới tính*

Nghiên cứu GEM đưa ra *Chỉ số khởi nghiệp về giới*, được tính bằng tỷ lệ nữ giới khởi nghiệp trên tỷ lệ nam giới khởi nghiệp. Trên thế giới, tỷ lệ nam giới tham gia vào kinh doanh thường cao hơn so với nữ giới. Mặc dù vậy, ngày càng có nhiều nữ giới tham gia vào kinh doanh khi mà tỷ lệ nữ giới trên tổng số những người tham gia khởi nghiệp năm 2017 đã tăng 6% so với năm 2016. Chỉ có ba nước có tỷ lệ nữ giới tham gia vào kinh doanh bằng hoặc cao hơn nam giới là Ecuador, Việt Nam và Brazil, trong đó Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ nữ giới trên tổng số những người đang khởi sự kinh doanh cao nhất trong số 54 quốc gia được khảo sát năm 2017. Chỉ số khởi nghiệp về giới của Việt Nam năm 2017 là 1,14 lần. Điều này cho thấy, nữ giới ở Việt Nam rất tích cực tham gia vào các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, xét về động cơ khởi nghiệp, tỷ lệ nữ giới khởi sự kinh doanh vì nhu cầu thiết yếu cao hơn so với nam giới.

** Độ tuổi*

Xét về độ tuổi, theo kết quả nghiên cứu GEM năm 2017 ở các quốc gia (Global Entrepreneurship Research Association, 2018), tỷ lệ người nằm trong độ tuổi 25-34 tham gia vào giai đoạn khởi sự kinh doanh cao nhất. Điều này cũng đúng ở Việt Nam khi mà có đến 32% tỷ lệ người trong nhóm tuổi này tham gia vào giai đoạn khởi sự kinh doanh, bỏ cách xa so với các nhóm tuổi khác. Cũng như ở các nước phát triển ở giai đoạn I, tỷ lệ người trong độ tuổi 18-24 tham gia vào khởi sự kinh doanh ở Việt Nam cũng khá cao so với các nước phát triển ở giai đoạn II và giai đoạn III, đạt 22%. Một trong những lý do của thực trạng

này là do tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ở các nước nhóm I thường cao hơn, do vậy xu hướng khởi sự kinh doanh tự tạo việc làm cho mình cũng cao hơn.

2.3. Đặc điểm các hoạt động khởi sự kinh doanh

** Lĩnh vực khởi sự kinh doanh*

Nghiên cứu GEM phân các hoạt động kinh doanh theo 4 nhóm ngành: khai thác, chế tạo, phục vụ doanh nghiệp và phục vụ người tiêu dùng. Theo cách phân loại này, đa số các hoạt động kinh doanh, dù là ở giai đoạn khởi sự kinh doanh hay đã ổn định, đều chủ yếu hướng tới phục vụ người tiêu dùng. Tuy nhiên có thể thấy rõ sự khác biệt về lĩnh vực khởi sự kinh doanh giữa các giai đoạn phát triển kinh tế. Tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cao nhất ở các nền kinh tế phát triển dựa trên nguồn lực (như: Madagascar 30,42%, Ấn Độ 16,53%). Các nền kinh tế phát triển dựa trên hiệu quả có tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực chế biến cao nhất (như: Ai Cập 43%, Ma-rốc 34,45%). Ở các nước phát triển dựa trên đổi mới, tỷ lệ các hoạt động phục vụ doanh nghiệp là cao nhất (như: Anh 42,16%, Mỹ 36,17%).

Ở Việt Nam, các hoạt động khởi sự kinh doanh hướng tới phục vụ người tiêu dùng vẫn chiếm tỷ lệ cao, đạt 74,8% năm 2017, cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước thuộc giai đoạn I hoặc giai đoạn II. Tuy nhiên, tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong các lĩnh vực khác đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực, trong lĩnh vực chế biến đã tăng từ 14,4% lên 17,7%, còn trong lĩnh vực phục vụ doanh nghiệp cũng đã tăng từ 3,3% lên 6,6%. Điều này cho thấy cơ cấu các lĩnh vực khởi sự kinh doanh ở Việt Nam đang dần chuyển biến theo hướng giống các nền kinh tế trong giai đoạn II.

* *Mức độ đổi mới sáng tạo của các hoạt động khởi sự kinh doanh*

Từ các tiêu chí đánh giá mức độ đổi mới đối với sản phẩm và thị trường, GEM đưa ra chỉ số tổng hợp về sáng tạo: *Một hoạt động kinh doanh gọi là sáng tạo nếu các sản phẩm cung cấp được coi là mới đối với tất cả hoặc nhiều khách hàng và có ít hoặc không có đối thủ cạnh tranh*. Dựa theo tiêu chí này, chỉ số đổi mới sáng tạo của các hoạt động khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 đã giảm so với năm 2015. Chỉ có 13,9% hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi sự kinh doanh ở Việt Nam được coi là có tính sáng tạo so với mức 16,5% năm 2015, xếp ở vị trí 48/54 nền kinh tế trong năm 2017, thấp hơn so với mặt bằng chung của các nước cùng trình độ phát triển. So với các nước trong khu vực ASEAN, tính sáng tạo của các hoạt động khởi sự kinh doanh ở Việt Nam thấp hơn Malaysia và Thái Lan (cùng đạt 29,3%, xếp hạng 15/54), chỉ cao hơn Indonesia (11,6%, xếp hạng 52/54).

* *Định hướng quốc tế của các hoạt động khởi sự kinh doanh ở Việt Nam*

Định hướng quốc tế của các hoạt động khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 có cải thiện so với năm 2015, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của các nước cùng trình độ phát triển cũng như các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. So với bình quân ở các nước phát triển ở giai đoạn I, tỷ lệ các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi sự kinh doanh tham gia vào xuất khẩu ở Việt Nam thấp hơn (26% so với 31,5%), nhất là tỷ lệ hoạt động kinh doanh thực sự có định hướng xuất khẩu (tỷ lệ khách hàng nước ngoài chiếm trên 25%) ở Việt Nam lại thấp hơn nhiều (1,8% so với 8%). Kết quả nghiên cứu GEM toàn cầu 2017 cho thấy, nền kinh tế càng phát triển

thì các hoạt động khởi sự kinh doanh càng có định hướng quốc tế cao.

3. *Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017*

Để đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp ở các quốc gia, nghiên cứu GEM đã dựa vào kết quả khảo sát chuyên gia trong 9 lĩnh vực và xây dựng bộ 12 chỉ số (Xem bảng 1).

Theo đánh giá của các chuyên gia, hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 tiếp tục có xu hướng cải thiện về điểm số ở những chỉ số đứng đầu, tuy nhiên lại giảm ở những chỉ số đứng sau. Thứ tự xếp hạng của các chỉ số cơ bản vẫn được duy trì khi mà *Cơ sở hạ tầng* tiếp tục là yếu tố được đánh giá cao nhất trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam, đạt 4,19 điểm (trên thang điểm từ 1 đến 5). Hai yếu tố tiếp theo được các chuyên gia đánh giá cao là sự *Năng động của thị trường nội địa* (4,15 điểm) và *Văn hóa và chuẩn mực xã hội* (3,62 điểm). Nếu những năm trước đây thường chỉ có ba chỉ số này trong số 12 chỉ số là đạt trên mức trung bình (3 điểm), thì năm 2017 đã có thêm chỉ số về các *Quy định chính phủ* (3,02). Tám chỉ số còn lại được các chuyên gia đánh giá dưới mức trung bình, trong đó ở ba vị trí cuối cùng lần lượt là: *Chuyển giao công nghệ* (2,19 điểm), *Chương trình hỗ trợ của Chính phủ* (2,09 điểm), và đặc biệt là *Giáo dục kinh doanh bậc phổ thông* (1,83 điểm).

Xét theo giai đoạn 2013-2017, ba chỉ số được xếp hạng đầu của hệ sinh thái khởi nghiệp lại chính là những chỉ số luôn có xu hướng cải thiện trong giai đoạn 2013-2017. Trong khi đó, những chỉ số được các chuyên gia đánh giá kém lại thường có xu hướng xấu đi trong giai đoạn này, cụ thể như: *Chương trình hỗ trợ của chính phủ*, *Chuyển giao công nghệ*, *Chính sách chính phủ*. Sự suy giảm này không hẳn chỉ ra rằng

Bảng 1: Thứ hạng các chỉ số trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2013-2017

(Đơn vị: Thang điểm 1-5)

Điều kiện kinh doanh	2017		2015		2013	
	Điểm	Thứ hạng/54	Điểm	Thứ hạng/62	Điểm	Thứ hạng/69
Năng động của thị trường nội địa	4,15	5	3,59	11	3,50	15
Văn hóa và chuẩn mực xã hội	3,62	6	3,23	14	3,10	20
Cơ sở hạ tầng	4,19	10	4,07	17	3,58	43
Độ mở của thị trường nội địa	2,79	12	2,51	28	2,66	32
Chính sách chính phủ	2,4	13	2,78	15	2,89	20
Quy định chính phủ	3,02	25	2,62	25	2,77	13
Chuyên giao công nghệ	2,19	34	2,33	30	2,54	20
Giáo dục kinh doanh bậc phổ thông	1,83	34	1,57	47	1,97	46
Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh	2,82	36	2,93	42	2,89	45
Tài chính cho kinh doanh	2,27	39	2,12	50	2,40	42
Giáo dục kinh doanh sau phổ thông	2,61	40	2,53	47	2,64	50
Chương trình hỗ trợ của chính phủ	2,09	43	2,14	50	2,50	38

Nguồn: Tổng hợp từ các khảo sát chuyên gia trên toàn cầu các năm 2013-2017.

các yếu tố này kém đi qua các năm, mà nó cho thấy kỳ vọng về một sự cải thiện của các chỉ số yếu kém này trong hệ sinh thái khởi nghiệp qua các năm đã không được đáp ứng, chính vì vậy các chuyên gia đã đánh giá các chỉ số này thấp hơn.

Khi so sánh hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam với 54 nước khác trên thế giới cũng tham gia vào nghiên cứu GEM năm 2017, thứ tự của các điều kiện kinh doanh lại có những khác biệt. Hai chỉ số của Việt Nam có thứ hạng cao nhất là: *Năng động của thị trường nội địa* (5/54), *Văn hóa và chuẩn mực xã hội* (6/54). Đây cũng chính là hai chỉ số của Việt Nam được xếp hạng cao nhất các năm 2014-2015. Cơ sở hạ tầng, chỉ số có điểm trung bình cao nhất ở Việt Nam, có thứ hạng cao thứ ba trong số 12 chỉ số của hệ sinh thái khởi nghiệp, xếp thứ 10/54. Hai chỉ số có thứ hạng cao tiếp theo là: *Độ mở của thị trường nội địa* (12/54) và *Chính sách chính phủ* (13/54). Chỉ số *Chính sách chính phủ* dù chỉ được đánh giá ở mức 2,4/5

điểm nhưng vẫn xếp thứ 13/54, điều này cho thấy hệ thống chính sách nhằm thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển kinh doanh không chỉ là vấn đề của riêng Việt Nam mà là của nhiều nước trên thế giới. Ba chỉ số trong hệ sinh thái khởi nghiệp có thứ hạng thấp nhất của Việt Nam năm 2017 là: *Tài chính cho kinh doanh* (39/54), *Giáo dục kinh doanh sau phổ thông* (40/54) và *Chương trình hỗ trợ của chính phủ* (43/54). Đây cũng chính là các chỉ số có thứ hạng thấp nhất của Việt Nam năm 2015.

III. Kết luận và gợi ý chính sách

Kết quả phân tích trên cho thấy, mặc dù thực trạng khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 đã có nhiều cải thiện, tỷ lệ người tham gia khởi sự kinh doanh đã tăng lên, tuy nhiên vẫn còn nhiều chỉ số mà Việt Nam kém xa so với các nước cùng trình độ phát triển kinh tế và các nước trong khu vực, trong đó phải kể đến như: sự lo sợ thất bại trong kinh doanh, khả năng kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh và yếu tố đổi

mới sáng tạo trong kinh doanh... Trong khi đó, những điểm yếu của hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam như Chương trình hỗ trợ của chính phủ, Chuyển giao công nghệ, Chính sách chính phủ,... vẫn không được cải thiện so với các năm 2013-2015.

Từ thực trạng đã phân tích ở trên, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị và đề xuất sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh thông qua việc ổn định kinh tế vĩ mô, gỡ bỏ các rào cản, nhằm tạo thêm lòng tin cho người làm kinh doanh, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp:

- Nhà nước cần tiếp tục kiên định các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, xây dựng lòng tin cho người kinh doanh. Các chính sách phải dễ dự đoán, dễ tiên liệu để người dân dự kiến được kế hoạch kinh doanh của mình. Cần giám sát quá trình thực thi chính sách để đảm bảo các cơ quan chức năng triển khai thực hiện đúng với các yêu cầu chính sách đã đề ra.

- Các bộ, ngành tiếp tục gỡ bỏ các rào cản trong kinh doanh, rà soát lại các quy định pháp luật có liên quan đến kinh doanh để không cản trở các hoạt động khởi sự kinh doanh, kiên quyết loại bỏ các giấy phép con về các điều kiện kinh doanh gây cản trở cho việc kinh doanh.

- Tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các khu vực kinh tế để người dân không có “mặc cảm” sẽ bị phân biệt đối xử trong quá trình tiếp cận các nguồn lực kinh doanh.

- Tăng cường công tác phổ biến thông tin thị trường thông qua ứng dụng công nghệ thông tin để giúp người dân nhận biết được nhu cầu của thị trường, từ đó nảy sinh các ý tưởng kinh doanh thay vì khởi sự kinh doanh để giải quyết nhu cầu của cuộc sống.

Thứ hai, xây dựng các chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển khởi nghiệp có định hướng trong những lĩnh vực ưu tiên, đề cao tính đổi mới sáng tạo và có tính quốc tế cao hơn:

- Với nguồn lực có hạn, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp không nên phân bổ dàn trải mà có sự chọn lọc, ưu tiên định hướng khởi nghiệp cho các lĩnh vực mũi nhọn.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất, đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường để nâng cao khả năng cạnh tranh của từng doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.

- Yêu cầu công khai, minh bạch, nhanh chóng và kịp thời các nội dung cam kết FTA tới người dân, doanh nghiệp.

Thứ ba, cần cải thiện hệ sinh thái khởi nghiệp để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở Việt Nam:

- Cần tiếp tục đổi mới các chương trình giảng dạy ở bậc phổ thông theo hướng đào tạo kỹ năng sáng tạo, độc lập và khả năng làm việc nhóm.

- Cần hoàn thiện các chương trình đào tạo doanh nhân ở các trường đại học - cao đẳng. Cần hướng dẫn sinh viên/học viên các trường kỹ thuật, trường nghề về kỹ năng khởi sự doanh nghiệp để họ có thể tự tạo việc làm bằng cách khởi sự trong ngành, lĩnh vực mà mình có chuyên môn.

- Bên cạnh việc thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần có cơ chế khuyến khích phát triển các mô hình tư nhân về quỹ khởi nghiệp như các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư thiên thần, quỹ huy động vốn từ cộng đồng,... để đáp ứng nhu cầu về vốn cho các hoạt động khởi nghiệp.

- Đẩy mạnh các hoạt động liên kết giữa các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu với các doanh nghiệp để ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng một cơ quan đầu mối tập hợp các chương trình hỗ trợ kinh doanh của Chính phủ để doanh nghiệp và những người làm kinh doanh dễ dàng tiếp cận.

Thứ tư, các khuyến nghị đối với các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao năng lực về hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường; nâng cao khả năng cạnh tranh của từng doanh nghiệp để có thể tham gia được vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng một mạng lưới xã hội các dịch vụ tư vấn, cố vấn để hỗ trợ cho các hoạt động khởi nghiệp. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nhân trẻ và doanh nhân nữ.

- Tận dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới.

- Tích cực thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong doanh nghiệp thông qua

khuyến khích đổi mới sáng tạo của các nhân viên, tăng cường đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) □

Tài liệu tham khảo

1. Global Entrepreneurship Research Association (2017), *Global Entrepreneurship Monitor (GEM) 2016/17 Global Report*.
2. Global Entrepreneurship Research Association (2018), *Global Entrepreneurship Monitor (GEM) 2017/18 Global Report*.
3. Levie, J. and Autio, E. (2008), "A theoretical grounding and test of the GEM model", *Small Business Economics*, 31(3), 235-263.
4. Lương Minh Huân (chủ biên, 2015), *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2014*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
5. Lương Minh Huân (chủ biên, 2016), *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2015/2016*, Nxb. Giao thông Vận tải, Hà Nội.
6. Lương Minh Huân (chủ biên, 2018), *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
7. World Economic Forum (2018), *Global Competitiveness Report 2017/18*.